TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13/7/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Long.
2. Bà Nguyễn Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Trần Thị K, sinh năm 1991 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

- **Bị đơn**: Ông Hà Bảo T, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 214A M, tổ dân phố 9, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày có nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông Hà Bảo T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Chúng tôi chung sống từ ngày 20/01/2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông vào ngày 29/7/2011. Sau khi về chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 12 tháng 12 năm 2011 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Sau khi sống ly thân thì Bà K sinh sống tại xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông, còn ông T vẫn ở thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyện vọng của Bà K là yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết cho Bà K được ly hôn với ông Hà Bảo T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi có 01 con chung là Hà Đăng K1, sinh ngày 16/8/2011.

Cháu K1 ở với bà K từ khi được 05 tháng tuổi cho đến nay.

Nguyện vọng của Bà K về con chung là xin được nuôi cháu K1 cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Bảo T: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình lẫn tránh vắng mặt, không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa thực hiện các quy định của Bộ luật tố tung dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 235, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho bà Trần Thị K được ly hôn với ông Hà Bảo T.

Về con chung: Giao cháu Hà Đăng K1, sinh ngày 16/8/2011 cho bà Trần Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Hà Bảo T có cư trú và sinh sống tại Tổ dân phố 9, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hà Bảo T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông T chung sống trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông vào ngày 29/7/2011, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi về chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sống ly thân từ tháng 12 năm 2011 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà K xác định không còn tình cảm với ông T nữa nên Bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà K được ly hôn với ông T.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương cho biết: Sau khi kết hôn Bà K và ông T chung sống với nhau tại 214A M, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống Bà K và ông T thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không tham gia tố tụng, cố tình lẫn tránh. Vì vậy, Tòa án không hòa giải đoàn tụ được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà K và ông T đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Con là Hà Đăng K1, sinh ngày 16/8/2011, hiện nay Bà K đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, ổn định cuộc sống của con chung nên cần giao cháu Hà Đăng K1 cho bà Trần Thị K được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi. Hơn nữa cháu K1 cũng có nguyện vọng xin được ở với bà K.

Ông Hà Bảo T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K xin ly hôn ông Hà Bảo T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị K được ly hôn ông Hà Bảo T.

Về con chung: Giao con chung là Hà Đăng K1, sinh ngày 16/8/2011 cho bà Trần Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Hà Bảo T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Trần Thị K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2022/0000109 ngày 13/01/2023.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. BMT;*
- *UBND xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS + VP.*